



CHUKOH FLO[®] ADHESIVE TAPES

Băng dính CHUKOH FLO[®]



Hi-quality&Performance



Băng dính CHUKOH FLO[®]

Tạo sự tin tưởng vững chắc và hiệu suất

Băng dính CHUKOH FLO[®], là tên gọi chung của các loại băng dính được công ty chúng tôi sử dụng nguyên liệu nhựa Flo để sản xuất. Đây là loại băng dính có thể phát huy các tính năng tuyệt vời như là khả năng cách điện, chịu nhiệt và chống dính. Sản phẩm được đánh giá cao và sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực sản xuất như ứng dụng máy hàn nhiệt, lớp phủ cách điện và gia công lớp lót. Băng dính CHUKOH FLO[®] được sản xuất dựa trên công nghệ tiên tiến là nhãn hiệu băng dính nhựa Flo hàng đầu được khách hàng thường xuyên lựa chọn.

Đặc tính
chống
dính

● **Không dính vào bất cứ vật gì**

Nhựa flo có đặc tính chống dính vào bất kì vật gì. Nếu trong trường hợp bất khả kháng băng dính bị dính nhầm qui vị có thể dễ dàng bóc ra.

Đặc tính
trơn

● **Tính trơn nổi bật**

Nhựa flo có hệ số ma sát tối thiểu trong bất kì vật rắn nào. Do vậy, bề mặt băng dính dễ trơn, trượt.

Tính chịu
nhiệt

● **Có khả năng sử dụng liên tục trong môi trường có nhiệt độ cao**

Nhựa Flo, là loại nhựa có khả năng chịu nhiệt, chịu lạnh tốt nhất trong vật liệu nhựa. Vì vậy, có thể sử dụng sản phẩm trong một phạm vi rộng từ khung nhiệt độ thấp đến nhiệt độ cao.

Tính cách ly

● **Tính cách điện tuyệt vời**

Nhựa Flo là loại nhựa có khả năng cách điện tốt nhất trong các nguyên liệu nhựa. Vì vậy sản phẩm phát huy đặc tính tuyệt vời này trong chế tạo lớp vỏ cách điện.

Tính chịu
hóa chất

● **Tính chịu hóa chất nổi bật**

Nhựa flo có cấu trúc hóa học ổn định, trơ với hầu hết các hóa chất, dung môi. Vì vậy có thể yên tâm bề mặt băng dính đảm bảo khả năng chịu được hóa chất.

Product Features

5 đặc tính của sản phẩm được biểu diễn dưới hình thức nhu cầu sử dụng của khách hàng.

Băng dính nhựa flo của công ty chúng tôi có những tính năng được trình bày như bên trái.

Chúng tôi cung cấp sản phẩm có chất lượng cao với khẩu hiệu "Sản phẩm có tính năng cách điện tuyệt vời", "Sản phẩm có tính năng không dính nổi bật" trong số các dòng sản phẩm đa dạng phong phú phù hợp với nhu cầu thị hiếu của khách hàng.

ASF-110 FR

Bảng dính nhựa flo trắng mềm

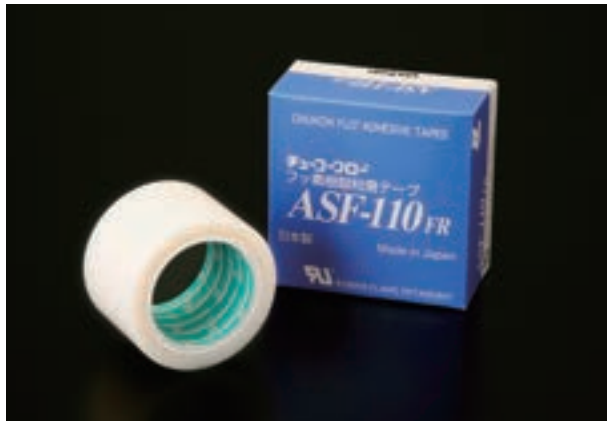
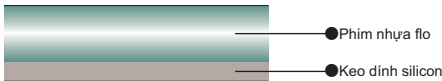
Bảng dính đạt tiêu chuẩn UL510
(File No. E105318)



Là sản phẩm được phủ một Keo dính silicon với nguyên liệu cơ bản là phim nhựa flo (PTFE). Nhựa flo là nguyên liệu được biết đến với nhiều đặc tính như mềm dẻo, mặt dễ trượt.

PTFE màu trắng mang tới cảm giác sạch sẽ.

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ASF-110 FR	0.08	13, 19, 25, 30, 38, 50, 100, 150, 200, 250, 300	350	10
	0.13		420	
	0.18			
	0.23			

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ giãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ASF-110 FR	0.08	70	180	7	10	200
	0.13	160		8	15	
	0.18	250		9	18	
	0.23	340		10	21	

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Có miếng đệm cách nhiệt và khoảng không cách điện
- Dây cáp nổi
- Mặt nghiêng, phẳng trượt
- Bao ngoài một phần máy hàn nhiệt
- Mạ lớp chịu được hóa chất
- Cọ xát phòng chống các phần trượt
- Ngăn chặn làm xước trong chuyển khi vận chuyển sản phẩm chai, lọ, thúc đẩy trượt nhanh

ASF-121 FR

Khó bóc tách ngay cả ở nhiệt độ cao

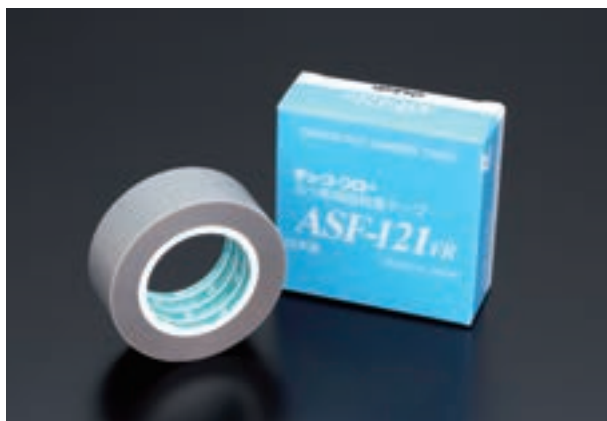
Bảng dính đạt tiêu chuẩn UL510
(File No. E105318)



Là sản phẩm được phủ một Keo dính silicon với nguyên liệu cơ bản là phim nhựa flo (PTFE). Sản phẩm có màu xám do sử dụng phương pháp xử lý bề mặt khác với ASF-110FR.

Sản phẩm không bị co rúm, bóc tách ngay cả ở nhiệt độ cao.

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ASF-121 FR	0.08	13, 19, 25, 30, 38, 50	400	10
	0.13		420	
	0.18			
	0.23			

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ giãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ASF-121 FR	0.08	90	150	7	9	200
	0.13	160	220	9	13	
	0.18	250		10	16	
	0.23	300		10	18	

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Tách khuôn máy đóng gói chân không, máy gia công hàn cắt, máy hàn nhiệt
- Cách ly nhiệt độ cao, cách điện
- Lớp mạ dựa trên không khí lỏng hóa học, nhiệt độ cao, dễ trượt

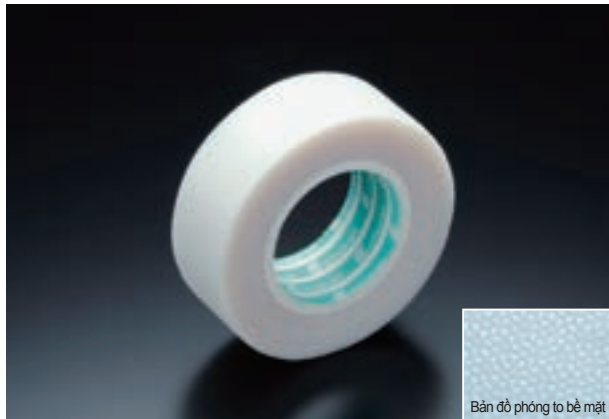
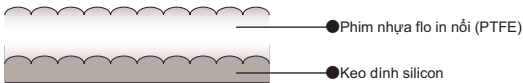
ASF-119T

Tăng cường khả năng tách khuôn · Tính năng trượt trên mặt không bằng phẳng

Là sản phẩm được phủ Keo dính silicon được sản xuất với nguyên liệu cơ bản là phim nhựa flo (PTFE) mặt không bằng phẳng.

Tăng cường tính năng tách khuôn, cải thiện hơn 30% so với tính trượt của sản phẩm ASF-110FR.

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ASF-119T	0.35	25, 50	400	10

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ASF-119T	0.35	—	—	8	12	200

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Chống vết xước và thúc đẩy quá trình trượt cho hàng vận chuyển
- Ngăn chặn sự bám dính của các vật gây dính như cao su khi chưa lưu hóa

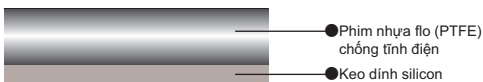
ASB-110

Loại chống tĩnh điện

Là sản phẩm được phủ một Keo dính silicon dựa trên nguyên liệu cơ bản phim nhựa flo (PTFE) pha trộn các bon có tính dẫn điện. Kết hợp đặc tính tĩnh điện trong khi duy trì các đặc tính của nhựa flo.

Nổi bật với đặc tính dẫn hay bám.

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ASB-110	0.13	13, 25, 38, 50	450	10

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện trở xuất bề mặt (Ω)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ASB-110	0.13	70	340	8	2.6 × 10 ⁵	200

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

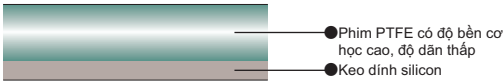
- Tách khuôn máy đóng gói chân không, máy gia công hàn cắt, máy hàn nhiệt
- Phim dành cho vận chuyển, dành cho trượt tại nơi không thuận lợi cho tĩnh điện
- Lớp mạ có hình dạng phức tạp

ASF-115 (MX)

Có cả hai độ bền và độ mịn

Là sản phẩm được phủ Keo dính silicon với nguyên liệu cơ bản là phim nhựa Flo (PTFE) có độ dẫn thấp - độ bền cơ học cao.

■ Cấu tạo



■ Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ASF-115 (MX)	0.1	38, 50	250	33

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

■ Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ASF-115 (MX)	0.1	135	40	7	11	200

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Đai và cuộn che với mục đích chống dính, và bảo vệ cuộn polyethylene laminator
- Ngoài ra, được sử dụng với các mục đích khác khi có yêu cầu về độ giãn thấp

ASF-118A FR

Tăng cường độ kéo so với ASF-115 (MX)

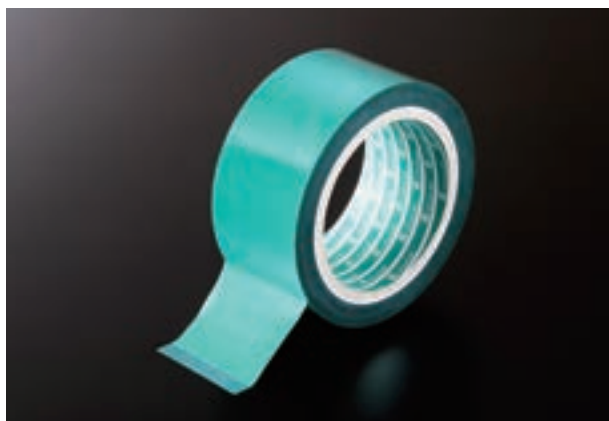
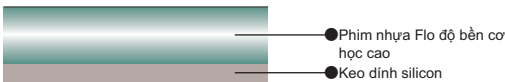
Băng dính đạt tiêu chuẩn UL510 (File No. E105318)



Là sản phẩm được phủ Keo dính silicon màu xanh lá cây với nguyên liệu cơ bản là phim nhựa Flo (PTFE) có độ dẫn thấp - độ bền cơ học cao.

Là sản phẩm có độ bền kéo cải thiện hơn so với ASF-115 (MX).

■ Cấu tạo



■ Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ASF-118A FR	0.10	34, 38, 50	80	33

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

■ Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ASF-118A FR	0.10	220	70	7	10	250

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Đai và cuộn che với mục đích chống dính, và bảo vệ cuộn polyethylene laminator
- Ngoài ra, được sử dụng với các mục đích khác khi có yêu cầu về độ giãn thấp

ASF-116T FR

Loại siêu mỏng phù hợp với mục đích sử dụng như băng dính nhớ - gắn kết

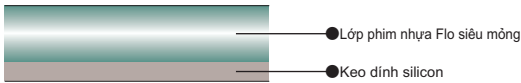
Băng dính đạt tiêu chuẩn UL510 (File No. E105318)



Sản phẩm được phủ Keo dính silicon với nguyên liệu cơ bản là phim nhựa flo (PTFE) siêu mỏng. Keo dính được nhuộm màu xanh đảm bảo dễ dàng nhận ra.

* Chúng tôi cũng có khả năng sản xuất ra loại màu đen.

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ASF-116T FR	0.04	5, 10, 20	40	5

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ASF-116T FR	0.04	40	110	3	5	200

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Máy hàn nhiệt
- Buộc dây cáp – dây điện
- Khoảng không cách nhiệt, bọc cách điện

Có kỹ thuật gia công đặc biệt nhằm phù hợp với yêu cầu sử dụng của khách hàng.

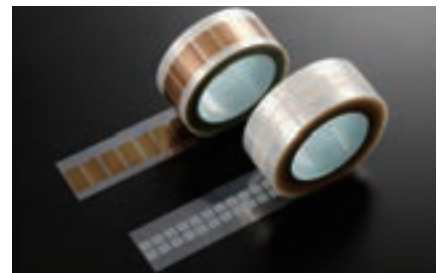
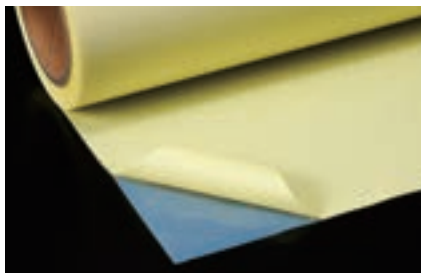
Sản phẩm lõi PE

Sản phẩm gắn ngăn cách

Sản phẩm sử dụng keo dính acrylic

Đường kính lõi thay đổi (1.5 inch/ 3 inch)

Sản phẩm đục lỗ



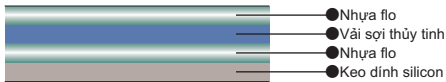
AGF-100 FR**Sản phẩm đạt tiêu chuẩn khi sử dụng với máy hàn nhiệt**

Bảng dính đạt tiêu chuẩn UL510 (File No. E105318)



Là sản phẩm được phủ keo dính silicon với nguyên liệu cơ bản là vải sợi thủy tinh có nhúng tấm nhựa flo (PTFE). Nhựa flo có nhiều đặc tính trong đó nổi bật là đặc tính ổn định kích thước.

Bề mặt băng dính không mịn do ảnh hưởng của vải sợi thủy tinh.

■ Cấu tạo**■ Bảng kích thước chung**

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
AGF-100 FR	0.13	13, 19, 25, 30, 38, 50, 100, 150, 200, 250, 300, 400	560	10
	0.15		450	
	0.18			
	0.30			

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

■ Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
AGF-100 FR	0.13	360	—	9	6	200
	0.15	540		13	5	
	0.18	540		11	6	
	0.30	1220		14	6	

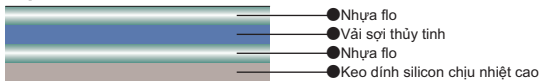
* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Tách khuôn máy hàn nhiệt, máy đóng gói chân không
- Tách khuôn trong quá trình đập dẹp như tách khuôn nhựa
- Lốp bọc cách điện
- Ngoài ra, bao phủ những bộ phận cần trơn trượt và chống dính

AGF-100A**Sản phẩm có độ bền nhiệt cao AGF-100FR**

Là sản phẩm được cải tiến tới mức chịu nhiệt 250°C dựa trên nguyên liệu là AGF100FR. Đặc biệt sản phẩm có khả năng duy trì lực (khó lệch sang chiều ngang).

■ Cấu tạo**■ Bảng kích thước chung**

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
AGF-100A	0.13	13, 19, 25, 30, 38, 50, 100	560	10
	0.15		450	
	0.18			
	0.30			

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

■ Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
AGF-100A	0.13	360	—	10	6	250
	0.15	540		10	5	
	0.18	540		11	6	
	0.30	1220		12	6	

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Tách khuôn máy hàn nhiệt, máy đóng gói chân không
- Tách khuôn trong quá trình đập dẹp như tách khuôn nhựa
- Lốp bọc cách điện
- Ngoài ra, bao phủ những bộ phận cần trơn trượt và chống dính

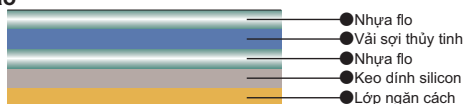
AGF-400-500

Loại rộng có gắn lớp ngăn cách

Là loại sản phẩm phủ Keo dính silicon với nguyên liệu cơ bản là vải thủy tinh được nhúng tấm nhựa flo (PTFE). Có thể mở rộng đạt mức 1000 mm có gắn lớp ngăn cách. Có khả năng tiến hành gia công từng lớp, phù hợp với lớp lót khổ rộng và cuộn cỡ lớn.

* Có thể cắt, gia công theo kích cỡ yêu cầu của khách hàng.

■ Cấu tạo



■ Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
AGF-400-3	0.12	1000	1000	10
AGF-500-3	0.13			
AGF-500-4	0.15			
AGF-400-6	0.17			
AGF-500-6	0.18			
AGF-400-10	0.29			
AGF-500-10	0.30			

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa
* Có khả năng xử lý đối với chiều dài từ 1 m trở đi.

■ Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
AGF400-3	0.12	400	-	10	5	200
AGF500-3	0.13	400		11		
AGF500-4	0.15	600		12		
AGF400-6	0.17	730		13		
AGF500-6	0.18	730		13		
AGF400-10	0.29	1200		14		
AGF500-10	0.3	1200		14		

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Cuộn lót vải không dệt hoặc giấy sấy
- Lót lót trượt bề mặt phễu, thùng
- Sử dụng khi dán ở phạm vi rộng

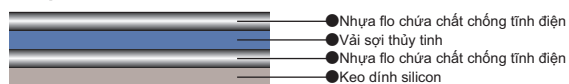
AGB-100

Loại chống tĩnh điện

Là loại sản phẩm phủ Keo dính silicon với nguyên liệu cơ bản là vải thủy tinh được nhúng tấm nhựa flo (PTFE) và có chứa cacbon dẫn điện. Nhựa flo có các tính năng như chịu nhiệt, trơ, không dính, chống chất hóa học và chống tĩnh điện.

Chúng tôi có cả sản phẩm kèm bộ phân tách cỡ lớn (AGB-500 series)

■ Cấu tạo



■ Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
AGB-100	0.13	13, 25, 50	450	10
	0.18			
AGB-500-3	0.13	1000	1000	
AGB-500-6	0.18			

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

■ Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện trở xuất bề mặt (Ω)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
AGB-100	0.13	400	-	11	10 ⁸ Dưới	200
	0.18	730		13		
AGB-500-3	0.13	400		11		
AGB-500-6	0.18	730		13		

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Tách khuôn máy đóng gói chân không, máy gia công hàn cắt, máy hàn nhiệt
- Trơn trượt tại những vùng khó tĩnh điện, hoặc quá trình sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử và cuộn phim vận chuyển

AGF-101

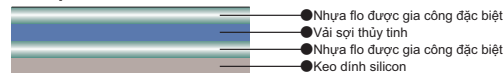
Sản phẩm được cải thiện về tính chịu ma sát, tính trơn trượt, tính tách khuôn và bề mặt không phẳng của vải sợi thủy tinh là khá lớn.

Là sản phẩm được phủ Keo dính silicon với nguyên liệu cơ bản là nhựa flo (PTFE) được tẩm nhúng vải thủy tinh có mặt không phẳng lớn. Sản phẩm có tính tách khuôn tốt gấp 2 lần, được cải thiện tính trơn trượt khoảng 20% so với AGF-100FR. Cải thiện tính chịu ma sát, so với sản phẩm AGF-100FR trong máy hàn nhiệt có khả năng tuổi đời hoạt động lâu hơn 4 lần. (Theo so sánh nội bộ công ty)



Bản đồ phóng to bề mặt

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng tiêu chuẩn (mm)	Bề rộng lớn nhất (mm)	Bề dài (m)
AGF-101	0,24	25, 30, 50	450	10

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ đàn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
AGF-101	0,24	1000	—	13	8	200

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

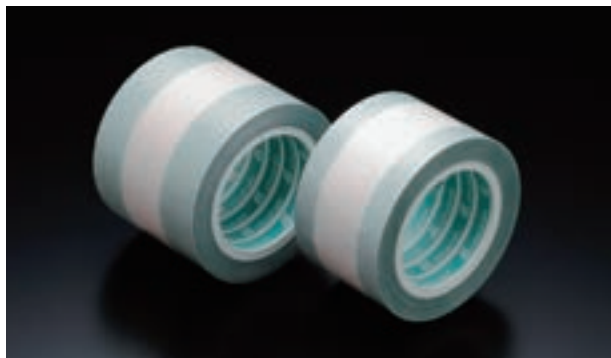
Cách sử dụng chính

- Sử dụng trong tách khuôn khi sản xuất túi nhỏ, mái lợp, khóa
- Sử dụng trong tách khuôn bằng đập ép chất liệu vải không dệt, bong
- Đặc biệt sử dụng trong trường hợp loạt sản phẩm AGF không thể đảm bảo chất lượng khi nhu cầu khách hàng cần bản đồ phóng to bề mặt, tách khuôn, tính trơn trượt.

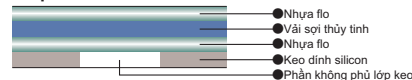
AGF-102

Bảng dính không ở tâm

Là sản phẩm nhựa flo không phủ lớp keo ở trung tâm của sản phẩm AGF-100FR. Vì không trực tiếp chạm phải phần băng dính (màu xanh lá cây) của bộ phát nhiệt, bộ phát nhiệt sẽ không bị bẩn, bộ phát nhiệt và băng dính sẽ có tuổi thọ lâu dài.



Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng tiêu chuẩn (mm)	Bề dài (m)
AGF-102	0,13	38 (Phần không phủ keo dính 20), 50 (Phần không phủ keo dính 20)	10

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ đàn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
AGF-102	0,13	380	—	9	—	200 (phần dính)

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm. * Lực dán dính là giá trị bề mặt áp dính.

* Nhiệt độ sử dụng tối đa của vật liệu là 260°C. * Độ dày danh nghĩa là tổng độ dày bao gồm phần dán keo dính.

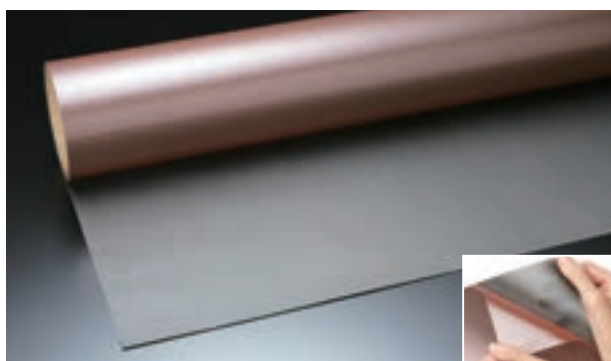
Cách sử dụng chính

- Sử dụng trong tách khuôn máy hàn nhiệt
- Sử dụng trong tách khuôn bản đập dẹp chất liệu vải không dệt, bong
- Bao bọc, tách đường điện nhiệt

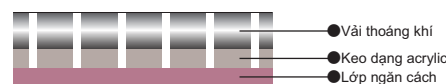
AGB-207-6-1

Tẩm phủ keo thoáng khí. Vật liệu đệm tối ưu trong quá trình hấp phụ phụ kiện

Là sản phẩm thông khí nhựa flo (PTFE) phủ keo dạng acrylic có nhúng tấm vải thủy tinh. Vì sản phẩm có tính thông khí nên rất đặc biệt phù hợp làm vật liệu đệm trong quá trình hấp phụ.



Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng tiêu chuẩn (mm)	Bề rộng lớn nhất (mm)	Bề dài (m)
AGB-207-6-1	0,11	480	480	1

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ đàn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
AGB-207-6-1	0,11	450	—	1,8	—	80

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

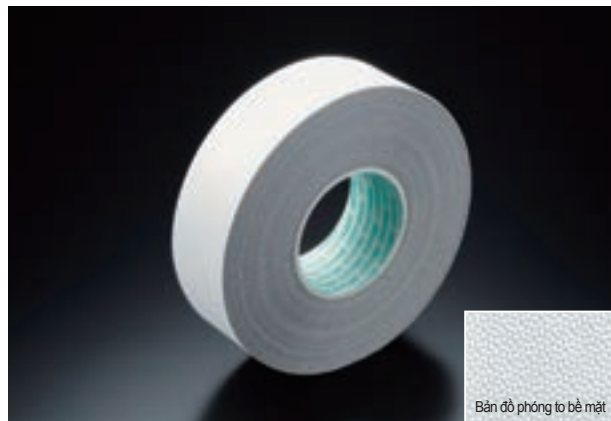
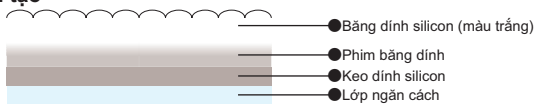
- Ứng dụng chất liệu đệm trong hấp phụ cố định linh kiện bảng, trong quá trình sản xuất linh kiện điện tử, dụng cụ

ACH-6000

Đây là loại băng dính tối ưu ngăn dính bẩn và chống trượt

Là loại băng dính với chất liệu cơ bản có sự kết hợp của tính đàn hồi, tính nén chặt, tính tách khuôn tối ưu, bề mặt không phẳng do là chất liệu là Keo dính silicon. Khi sử dụng chất liệu dạng silicon sẽ khó phát sinh keo thừa, tăng độ chịu nhiệt. Có thể dán vào cuộn silicon.

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ACH-6000	0.7	50, 100	400	25

* Hãy trao đổi riêng với chúng tôi trong trường hợp kích thước bề rộng khác với kích thước tiêu chuẩn nêu trên.

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ACH-6000	0.7	—	—	5	11	130

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

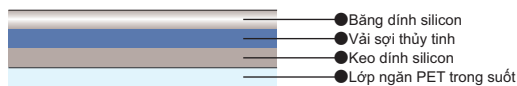
- Cuộn che khi gia công chất liệu dùng cho thời điểm kết dính, chất liệu dính
- Phụ trợ cho lực kéo của con lăn đưa vải không dệt, phim
- Cố định tạm thời khi vận chuyển hàng

ACH-6100

Băng dính chịu nhiệt tối ưu và có tính ép chặt

Là loại băng dính được phủ keo dạng silicon với chất liệu cơ bản là Keo dính silicon bọc vải thủy tinh. Sản phẩm có đặc tính ép chặt, chịu nhiệt nên có thể sử dụng dưới tác động của nhiệt độ cao.

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
ACH-6100	0.28	25, 50	350	25

* Hãy trao đổi riêng với chúng tôi trong trường hợp kích thước bề rộng khác với kích thước tiêu chuẩn nêu trên.

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ACH-6100	0.28	790	—	3	8	200

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Cuộn che khi gia công chất liệu dùng cho thời điểm kết dính, chất liệu dính
- Phụ trợ cho lực kéo của con lăn đưa vải không dệt, phim

API-114A FR

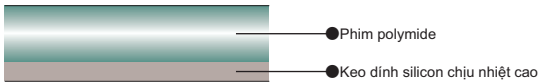
Khả năng chịu nhiệt và cách điện tối ưu

Bảng dính đạt tiêu chuẩn UL510 (File No. E105318)



Là loại băng dính phủ Keo dính silicon phim polimide. Sử dụng trong trường hợp cần cách điện, chịu nhiệt.
* Có cả loại dính - Loại tách

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
API-114A	0.06	13, 19, 25	450	10
	0.08	—		20

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
API-114A	0.06	150	70	6	7	250
	0.08	240		8	10	

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

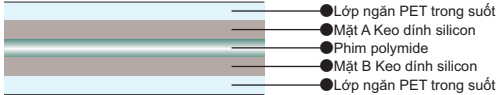
- Cách điện, chịu nhiệt độ cao
- Mặt nạ chịu nhiệt trong hàn

API-214A

Bảng dính hai mặt thích hợp trong nhiệt độ cao

Sản phẩm băng dính phủ lớp silicon hai mặt với chất liệu cơ bản là phim polimide. Chất liệu cơ bản có tính năng kết dính, chịu nhiệt ưu việt nên có thể sử dụng tạm thời dưới nhiệt độ cao.

Cấu tạo



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng (mm)		Bề dài (m)
		Sản phẩm tiêu chuẩn	Bề rộng lớn nhất	
API-214A	0.085	25, 50	450	10

* Hãy trao đổi riêng với chúng tôi trong trường hợp kích thước bề rộng khác với kích thước tiêu chuẩn nêu trên.

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
API-214A	0.085	150	70	5	8	250

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

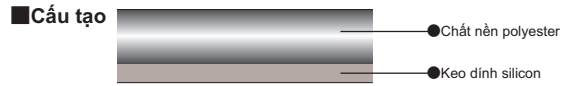
Cách sử dụng chính

- Có thể sử dụng tạm thời ở nhiệt độ cao
- Cố định tạm thời trong lúc hàn
- Sử dụng chống trượt trong nhiệt độ cao

ACH-5201A

Băng dính polyester tối ưu trong kết nối

Là sản phẩm được phủ Keo dính silicon với vật liệu cơ bản là phim polyethylene màu đen.
 Sản phẩm có đặc tính chịu nhiệt, cách điện, chống chất hóa học nên đặc biệt tối ưu với các loại mặt nạ.
 Ngoài ra, sản phẩm có độ bám dính tuyệt vời nên có thể sử dụng như giấy tách khuôn.



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng tiêu chuẩn (mm)	Bề rộng lớn nhất (mm)	Bề dài (m)
ACH-5201A	0.055	25, 50	450	33

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ACH-5201A	0.055	80	50	7	6	130

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Mặt nạ chịu nhiệt
- Mặt nạ cách điện
- Vật kết nối như giấy cách điện (chất kết nối)

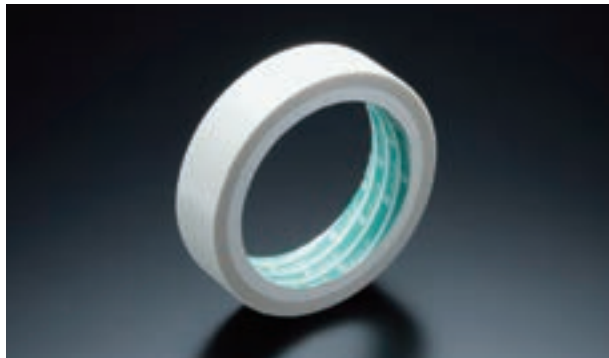
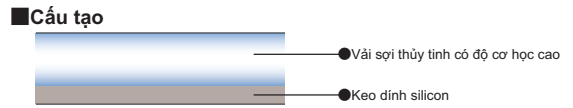
ACH-5001 FR

Băng dính vải thủy tinh có độ bền cơ học ưu việt

Băng dính đạt tiêu chuẩn UL510 (File No. E105318)



Là sản phẩm được phủ Keo dính silicon với vật liệu cơ bản là vải thủy tinh có độ bền cơ học cao.
 Sản phẩm có đặc tính mềm dẻo, chịu nhiệt ưu việt dưới nhiệt độ cao nên có thể dùng để kết nối hoặc cách điện.



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng tiêu chuẩn (mm)	Bề rộng lớn nhất (mm)	Bề dài (m)
ACH-5001 FR	0.2	13, 19, 25, 38, 50, 100	500	10

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 90 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
ACH-5001 FR	0.2	700	—	10	6	200

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

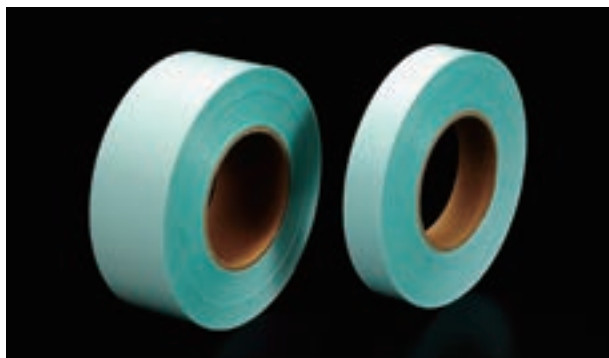
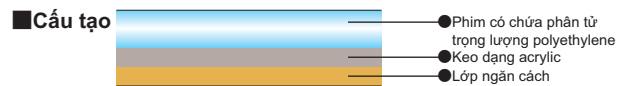
Cách sử dụng chính

- Dùng để cách điện trong sản phẩm điện
- Đảm bảo độ bám dính trong điều kiện nhiệt độ cao

AUE-112B

Băng dính có độ ma sát cao, tính trơn trượt ưu việt

Là được phủ lớp keo dạng acrylic với nguyên liệu cơ bản là phim có chứa phân tử trọng lượng polyethylene.
 Sản phẩm có đặc tính ưu việt về chịu ma sát nên có tính trơn trượt tiếp nối sau nhựa Flo.



Bảng kích thước chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Bề rộng tiêu chuẩn (mm)	Bề rộng lớn nhất (mm)	Bề dài (m)
AUE-112B	0.18	25, 50	500	40
	0.30			20
	0.55	—		—

* Đối với bề rộng khác so với kích thước nêu trên thì có khả năng tạo ra khe hở trong phạm vi bề rộng tối đa

Bảng đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dãn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)
AUE-112B	0.30	400	360	10	25	80

* Giá trị đặc tính trên bảng chỉ là giá trị đo lường, không phải giá trị bảo đảm.

Cách sử dụng chính

- Phễu dành cho các vật cứng như cát, đường, ngũ cốc
- Đường truyền vận chuyển chai và hành lý
- Lớp lót của băng dẫn tải
- Phụ trợ mặt trượt của tấm chắn tuyết, tấm trượt tuyết

■ Bảng mô tả về sản phẩm – đặc tính chung

Mã số sản phẩm	Vật liệu	Xử lý chất kết dính	Độ dày danh nghĩa (mm)	Độ bền dai (N/25 mm)	Độ dẫn (%)	Lực dán dính/ Tách keo tại 180 độ (N/25 mm)	Điện áp đánh thủng (kV)	Nhiệt độ sử dụng tối đa (°C)	Phân tách Có/Không	
ASF-110FR	Phim PTFE	Chất keo dính nhạy cảm với áp suất dạng silicon	0.08	70	180	7	10	200	Có	
			0.13	160		8	15			
			0.18	250		9	18			
			0.23	340		10	21			
ASF-121FR	Phim PTFE	Chất keo dính nhạy cảm với áp suất dạng silicon	0.08	90	220	7	9	200	Không	
			0.13	160		9	13			
			0.18	250		10	16			
			0.23	300		10	18			
ASB-110	Phim PTFE xử lý chống điện tĩnh	Chất kết dính cảm áp suất dạng silicon bền nhiệt cao	0.13	70	340	8	—	200	Có	
ASF-116TFR	Phim PTFE tăng cường đặc biệt siêu mỏng		0.04	40	110	3	5	200	Không	
ASF-118AFR	Phim PTFE tăng cường siêu đặc biệt	Chất kết dính cảm áp suất dạng silicon bền nhiệt cao	0.10	220	70	7	10	250	Không	
ASF-115(MX)	Phim PTFE tăng cường đặc biệt		0.10	135	40	7	11	200	Không	
ASF-119T	Phim PTFE rập nổi		0.35	—	—	8	12	200	Không	
AGF-100FR	PTFE + Vải sợi thủy tinh	Chất kết dính nhạy cảm với áp suất dạng silicon	0.13	360	—	9	6	200	Có	
			0.15	540		13	5			
			0.18	540		11	6			
			0.30	1220		14	6			
AGF-100A	Vải sợi thủy tinh	Chất kết dính cảm áp suất dạng silicon bền nhiệt cao	0.13	360	—	10	6	250	Không	
AGF-101			Chất kết dính nhạy cảm với áp suất dạng silicon	0.24	1000	—	13	8	200	Có
AGF-102				0.13	380	—	9	—	—	Không
AGB-207-6-1	Silicon dập nổi + Phim Silicon + Vải sợi thủy tinh	Chất kết dính nhạy cảm với áp suất dạng acrylic	0.11	450	—	1.8	—	80	Chỉ phân tách	
ACH-6000			0.7	—	—	5	11	130	Chỉ phân tách	
ACH-6100	Silicon + Vải sợi thủy tinh	Chất kết dính nhạy cảm với áp suất dạng silicon	0.28	319	—	3	8.8	200	Chỉ phân tách	
API-114A			Phim polyimide	Chất kết dính cảm áp suất dạng silicon bền nhiệt cao	0.06	150	70	6	7	250
API-214A	0.08	240			—	8	10			
API-214A	Phim polyimide	Chất kết dính nhạy cảm với áp suất dạng silicon	0.085	150	70	5	8	250	Chỉ phân tách	
ACH-5201A			Polyester	Chất kết dính nhạy cảm với áp suất dạng silicon	0.055	80	50	7	6	130
ACH-5001FR	Vải sợi thủy tinh có độ cơ học cao	0.2	700		—	10*	6	200	Không	
AUE-112B	Phim có chứa phân tử trọng lượng polyethylene	Chất kết dính nhạy cảm với áp suất dạng acrylic	0.30	400	360	10	25	80	Chỉ phân tách	

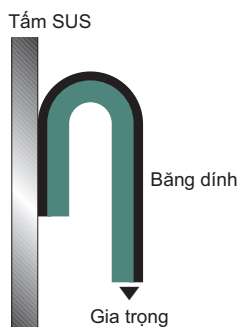
* Lực dán dính của ACH-5001FR là giá trị được đo bằng bóc 90 độ (N/25 mm).

* Giá trị đặc tính của bảng trên là giá trị đo không phải giá trị bảo đảm.

■ Lực dán dính (Tách keo tại 180 độ)

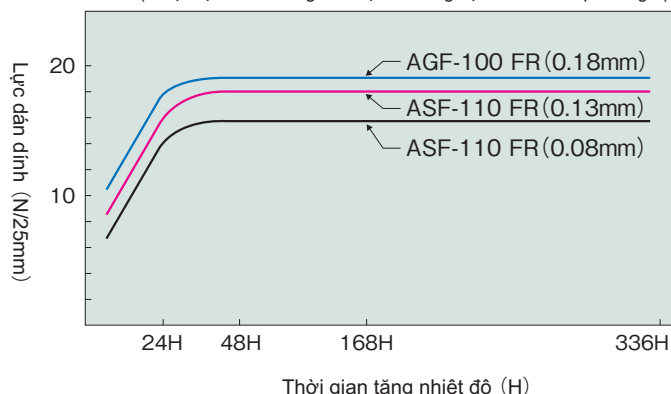
Phương pháp đo	Phương pháp kéo tách 180 độ (Bề rộng 25 mm)
Diện tích kết dính	Bề rộng 25 mm × 150 mm
Tốc độ kiểm tra	300mm/min
Thế dính chặt	Tám SUS

Lăn con lăn bằng cao su nặng 2 kg, lăn đi lăn lại cho thành nếp rồi đo. Đo cường độ khi băng dính đã bị bóc ra 100 mm.

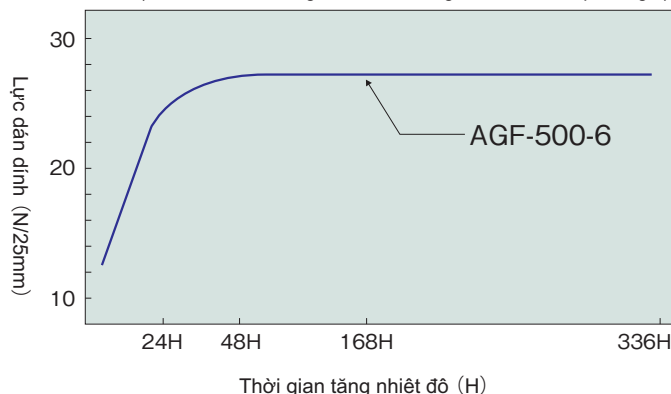


■ Lực dán dính sau khi thử nghiệm tăng nhiệt độ

(Nhiệt độ sau khi tăng 180 độ °C: thí nghiệm đối với thép không gỉ)



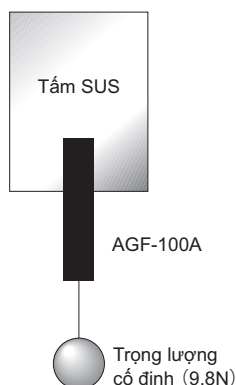
(Nhiệt độ sau khi tăng 180 độ °C: thí nghiệm đối với thép không gỉ)



■ Lực giữ

Nhiệt độ	AGF-100A	AGF-100 FR
200°C	Trên 360h	Dưới 1h
250°C	Trên 360h	Dưới 2 min

- Phương pháp kiểm tra: JIS-Z-0237 (Thao khảo hình bên phải)
- Độ dày vật liệu thử: 0.13mm
- Diện tích phần kết dính: 25mm×25mm
- Đo thời gian cho đến khi băng rơi từ một tấm thép không gỉ xuống tại từng nhiệt độ môi trường (trọng lượng cố định)
- Giá trị đặc tính bề mặt là giá trị đo, không phải giá trị bảo đảm.
- Ngoài ra, có khác biệt một chút so với vật liệu dính chặt.



Được cấp chứng nhận ISO 9001 · 14001

Công ty chúng tôi đã được cấp chứng nhận ISO9001 · ISO 14001 là chứng chỉ quốc tế về hệ thống quản lý môi trường – chất lượng.

- Quản lý về sản xuất ủy thác và thiết kế sản phẩm có sử dụng nhựa phân hủy sinh học hay buôn bán, chế tạo và thiết kế các sản phẩm phủ nhựa silicon - phủ nhựa Flo - các sản phẩm có chứa nhựa Flo/quản lý phạm vi đăng kí.



UL Tình hình chứng nhận tiêu chuẩn

Băng dính CHUKOH FLO®

Những sản phẩm được công nhận thuộc tiêu chuẩn UL là: AGF-100 FR, ASF-110 FR, ASF-121 FR, ASF-116T FR, ASF-118A FR, API-114A FR, ACH-5001 FR.



Về kí hiệu “FR”

Cùng với việc nhận tiêu chuẩn UL, trong số các sản phẩm sản xuất từ ngày 1-7-2009 có một số sản phẩm được thêm kí hiệu “FR”. Tuy nhiên, các sản phẩm này hầu như không có gì thay đổi về tiêu chuẩn, chất lượng và công đoạn sản xuất, tương tự như các sản phẩm từ trước đến nay.



Hãy tạo ra một tương lai tươi sáng

chukoh

Chukoh Chemical Industries, Ltd.

Trụ sở chính

Tầng 10 Tòa nhà mới ATT, 2-11-7, Akasaka, Minato-ku, Tokyo

Mã số bưu điện: 107-0052 TEL +81 (03) 6230-4414 (đại diện) FAX +81 (03) 6230-4413

Văn phòng tại Fukuoka

Tầng 5 Tòa nhà Otemon Pine, 1-1-12, Otemon, Chuo-ku, Fukuoka

Mã số bưu điện: 810-0074 TEL +81 (092) 724-1414 (đại diện) FAX +81 (092) 724-1413

■ Văn phòng kinh doanh

Chi nhánh Tokyo

Tầng 10 Tòa nhà mới ATT, 2-11-7, Akasaka, Minato-ku, Tokyo

Mã số bưu điện: 107-0052 TEL +81 (03) 6230-4411 FAX +81 (03) 6230-4412

Văn phòng kinh doanh Bắc Kanto

Tầng 5 Tòa nhà NC, 4-13-17, Chuo, Moriya-shi, Ibaraki

Mã số bưu điện: 302-0115 TEL +81 (0297) 21-0331 FAX +81 (0297) 46-1235

Chi nhánh Nagoya

Tầng 10 Tòa nhà Nishiki Park, 2-4-3, Nishiki, Naka-ku, Nagoya

Mã số bưu điện: 460-0003 TEL +81 (052) 229-1511 FAX +81 (052) 229-1512

Chi nhánh Osaka

Tầng 16 Tòa nhà Nissei Shin-Osaka, 3-4-30, Miyahara, Yodogawa-ku, Osaka

Mã số bưu điện: 532-0003 TEL +81 (06) 6398-6714 FAX +81 (06) 6398-6712

Chi nhánh Fukuoka

Tầng 5 Tòa nhà Otemon Pine, 1-1-12, Otemon, Chuo-ku, Fukuoka

Mã số bưu điện: 810-0074 TEL +81 (092) 724-1411 FAX +81 (092) 724-1412

Phòng Archi & Sản phẩm xuất khẩu

Tầng 10 Tòa nhà mới ATT, 2-11-7, Akasaka, Minato-ku, Tokyo

Mã số bưu điện: 107-0052 TEL +81 (03) 6230-4417 FAX +81 (03) 6230-4446

中興化成貿易 上海市长宁区延安西路2201号上海国际贸易中心2806室

(上海)有限公司 〒200336 TEL+86-21-6235-1160 FAX+86-21-6235-1140

Chukoh Chemical Athenee Tower, 23rd Floor, 63 Wireless Road,

(Thailand) Lumpini, Pathumwan, Bangkok Thailand

Co., Ltd. 〒10330 TEL+66-2-126-8017 FAX+66-2-126-8190

Đối với tất cả các câu hỏi liên quan đến sản phẩm

Xin vui lòng liên hệ các câu hỏi liên quan đến sản phẩm của công ty chúng tôi qua điện thoại hoặc qua thư điện tử theo địa chỉ dưới đây

Email: support@chukoh.co.jp



Chú ý

- Không sử dụng trong các ứng dụng tiếp xúc với cơ thể con người, chẳng hạn như chăm sóc y tế.
- Đối với việc xử lý rác thải phải làm theo qui định của pháp luật, không được đem đốt.
- Không được sử dụng trong nhiệt độ quá với phạm vi nhiệt độ sử dụng cao nhất của sản phẩm.
- Làm ơn đọc kỹ hướng dẫn sử dụng nhựa Flo, dây an toàn sản phẩm (MSDS), catalogue để có thể sử dụng sản phẩm một cách an toàn nhằm duy trì đúng chức năng của sản phẩm.

Web Site Address <http://www.chukoh.co.jp/>

Phát hành ngày 1/3/2015